

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2021/HS-ST
Ngày 14-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông.
2. Ông Hồ Đắc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Văn Lê Hoài Khiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 140/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Văn N; sinh ngày M tại thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ X, khu phố Y, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Lê Văn N, mẹ: Huỳnh Thị Minh L; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 18-5-2020 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra quyết định khởi tố bị can và đang bị điều tra, truy tố về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02-7-2021 đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Phúc N, sinh năm K; nơi cư trú: Số nhà Y, đường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bùi Thị H, sinh năm V; nơi cư trú: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

2. Trần Minh L, sinh năm C; nơi cư trú: Ngã ba đường L – H, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

3. Trần Hữu C, sinh năm D; nơi cư trú: Tổ X, khu vực S, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3-2021, Lê Văn N thuê Phòng số K Nhà nghỉ H của Nguyễn Phúc N để ở cùng với Bùi Thị H. Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 02-7-2021, N liên hệ với một thanh niên tên là “T” (không rõ lai lịch) để mua 01 gói ma túy đá với giá 800.000 đồng tại đoạn gần cầu B, huyện T, tỉnh Bình Định, sau đó quay về phòng trọ. Khoảng 17 giờ 00 phút, khi H đi ra ngoài mua đồ ăn, N ở lại phòng trọ lấy ra một ít ma túy để sử dụng còn lại chia thành 06 gói nhỏ cất giấu vào túi quần bên trái ở phía sau đang mặc. Khoảng 21 giờ 00 phút, Trần Minh L đến phòng trọ gặp N để nói chuyện công việc. Đến khoảng 21 giờ 30 phút, Đội Cảnh sát điều tra về tội phạm ma túy Công an thành phố Quy Nhơn phối hợp với Đội Kiểm tra liên ngành 814 và 178 thành phố Quy Nhơn và Công an phường Đ kiểm tra phát hiện bắt giữ N đang cất giấu số ma túy như nêu trên. Theo Kết luận giám định số 205/PC09 ngày 05-7-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định, các hạt tinh thể trong 06 gói ni-lông hàn kín ghi thu của Lê Văn N có tổng khối lượng 0,6150 gam là ma túy loại Methamphetamine. Quá trình điều tra, N đã khai nhận số ma túy cất giấu nhằm mục đích sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng hết thì bị bắt giữ. Vật chứng gồm mẫu vật còn lại sau giám định (0,4807 gam Methamphetamine) đã được Cơ quan điều tra chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26-8-2021.

Bản cáo trạng số 142/CT-VKSQN ngày 17-8-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo như bản cáo trạng đã nêu và các chứng cứ mà cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập. Bị cáo xin Tòa xử phạt nhẹ.

Trong phần luận tội, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tuyên phạt bị cáo Lê Văn N từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại đã bị tạm giữ.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo N nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, bị cáo rất ăn năn và xin xử phạt mức án nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố bảo đảm tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại.

[2] Lời khai của bị cáo Lê Văn N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 02-7-2021, bị cáo mua 01 gói ma túy loại Methamphetamine, sau khi sử dụng một ít, bị cáo chia số ma túy còn lại thành 06 gói nhỏ có tổng khối lượng 0,6150 gam và đem cất giấu vào túi quần bên trái ở phía sau đang mặc để sử dụng dần nhưng bị bắt giữ. Xét bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, nhưng đã cố ý cất giữ trái phép chất ma túy để sử dụng, qua đó xâm hại trực tiếp đến chính sách quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, Cáo trạng cũng như lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Trước đó, bị cáo đã bị khởi tố điều tra về hành vi dùng hung khí, tụ tập gây rối trật tự công cộng, đã bị tạm giam sau đó được cho bảo lãnh tại ngoại, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội. Việc bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, sẽ được Hội đồng xét xử cân nhắc khi quyết định hình phạt. Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Vật chứng của vụ án đã chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26-8-2021 gồm có: 01 bì thư dán kín niêm phong 05 dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định, có chữ ký của Lê Tuấn T, Ngô Đình B và Nguyễn Thành T (tất cả đều 01 chữ ký), bên ngoài bì thư ghi: “Hoàn lại đối tượng giám định gồm: Vỏ, bao bì đựng mẫu vật còn lại sau giám định; 0,4807 gam mẫu A còn lại sau giám định”; cần phải tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Đối với Nguyễn Phúc N - chủ Nhà nghỉ H, Bùi Thị H, Trần Minh L đều không biết, không giúp sức cho bị cáo N trong việc tàng trữ, sử dụng ma túy nên cơ

quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ. Đối tượng đã bán ma túy cho N, do không xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên chưa thể xử lý, cần tiếp tục điều tra làm rõ.

[6] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo N căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, các tình tiết đánh giá về nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; cũng như về xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[7] Về án phí, bị cáo N phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Lê Văn N 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 02-7-2021.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy các vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26-8-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn gồm có: 01 bì thư dán kín niêm phong 05 dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định, có chữ ký của Lê Tuấn T, Ngô Đình B và Nguyễn Thành T (tất cả đều 01 chữ ký), bên ngoài bì thư ghi: “Hoàn lại đối tượng giám định gồm: Vở, bao bì đựng mẫu vật còn lại sau giám định; 0,4807 gam mẫu A còn lại sau giám định”.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Lê Văn N phải chịu án phí sơ thẩm hình sự là 200.000 đồng.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Quy Nhơn;
- Cơ quan THAHS Công an Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Trần Duyên Anh